TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST Ngày 10 tháng 7 năm 2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đô

2. Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993.

Cư trú: Thôn CT, xã MT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn CT, xã MT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn HĐ, xã ĐL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thì nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Tr ngày 27/12/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn các bên có thời gian tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia

đình anh. Vợ chồng chung sống đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 11/2021 đến nay. Anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn MA, sinh ngày 26/02/2021. Hiện con chung đang ở cùng chị Tr. Vợ chồng ly hôn, chị Tr sẽ nuôi dưỡng con chung. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Tr, mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Tr trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh T ngày 27/12/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn các bên có thời gian tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T. Vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2022 đến nay. Còn anh T vẫn ở cùng bố mẹ anh T ở thôn CT, xã MT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giamg. Lý do chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở là do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, chị không thể chịu được nên đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn MA, sinh ngày 26/02/2021. Hiện con chung đang ở cùng chị. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tr.

2, Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn MA, sinh ngày 26/02/2021 cho chị Nguyễn Thị Tr nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3, Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4, Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Tr. Chị Nguyễn Thị Tr có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T và bị đơn là chị Nguyễn Thị Tr đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đối với anh T và chị Tr.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Tr kết hôn ngày 27/12/2019. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của anh T thì trong quá trình chung sống, anh và chị Tr có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Còn theo chị Tr thì trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nhưng theo lời trình bày của anh T thì vợ chồng ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, còn theo chị Tr thì vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2022 đến nay. Chị Tr không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T do tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên, theo lời khai của cả anh T và chị Tr thì xác định được anh T và chị Tr đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, chứng tỏ trong quá trình chung sống anh T chị Tr có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị Tr chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh

Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tr (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn MA, sinh ngày 26/02/2021. Hiện con chung đang ở cùng chị Tr. Anh T và chị Tr thống nhất thỏa thuận để chị Tr nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường nên cần giao cho chị Nguyễn Thị Tr là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn MA, sinh ngày 26/02/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Anh T đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tr. Nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tr, mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/01 tháng từ khi xét xử sơ thẩm tháng 7 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tr.

2, Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Tr là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn MA, sinh ngày

26/02/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Tr số tiền 4.000.000 đồng/01tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3, Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002505 ngày 27/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã MT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyền

Đã ký